

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NỘI VỤ**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NỘI VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV
ngày 18/6/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007
của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 18/6/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ (*sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV*) như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV, như sau:

1. Bổ sung điểm 1.3, khoản 1, mục I như sau:

“1.3. Doanh nghiệp đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả những doanh nghiệp thành lập trước ngày Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ có hiệu lực thi hành), có quyền

sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ (KH&CN) và đáp ứng các quy định về việc chứng nhận doanh nghiệp KH&CN”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, mục I như sau:

“5. Điều kiện để được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN

Doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN khi đáp ứng các điều kiện sau:

5.1. Đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN hoàn thành việc ươm tạo và làm chủ công nghệ từ kết quả KH&CN được sở hữu, sử dụng hợp pháp hoặc sở hữu hợp pháp công nghệ để trực tiếp sản xuất thuộc các lĩnh vực: công nghệ thông tin - truyền thông, đặc biệt công nghệ phần mềm tin học; công nghệ sinh học, đặc biệt công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế; công nghệ tự động hóa; công nghệ vật liệu mới, đặc biệt công nghệ nano; công nghệ bảo vệ môi trường; công nghệ năng lượng mới; công nghệ vũ trụ và một số công nghệ khác do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

5.2. Chuyển giao công nghệ hoặc trực tiếp sản xuất trên cơ sở công nghệ đã ươm tạo và làm chủ hay sở hữu hợp pháp công nghệ quy định tại điểm 5.1, khoản 5, mục I trên đây”.

3. Sửa đổi tên khoản 1 và sửa đổi, bổ sung điểm 1.1, 1.2 khoản 1, mục II như sau:

“1. Thành lập mới và chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

1.1. Trình tự thành lập mới và chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

a) Các đối tượng quy định tại điểm 1.1, khoản 1, mục I Thông tư này thành lập doanh nghiệp KH&CN theo trình tự sau:

- Thành lập doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN tại Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

b) Các đối tượng quy định tại điểm 1.3, khoản 1, mục I Thông tư này lập hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN theo quy định tại điểm 1.2 và 1.3, khoản 1, mục II Thông tư này”.

1.2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

a) Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp KH&CN (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này);

- Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực trong trường hợp Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện);

- Dự án sản xuất, kinh doanh (những nội dung liên quan đến kết quả KH&CN là cơ sở đề nghị chứng nhận doanh nghiệp KH&CN).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính”.

4. Sửa đổi, bổ sung tiết đ, điểm 2.1, khoản 2, mục II như sau:

“đ) Đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN tại Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2, khoản 2, mục II như sau:

“2.2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

a) Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp KH&CN (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này);

- Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực trong trường hợp Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, mục II như sau:

“3. Thẩm định, cấp, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và danh mục sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN

3.1. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và danh mục sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN cho các doanh nghiệp đặt trụ sở chính tại địa phương.

Đối với trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, doanh nghiệp được thành lập từ tổ chức KH&CN công lập thuộc đối tượng đăng ký hoạt động KH&CN tại Bộ Khoa học và Công nghệ và các trường hợp khác theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành đánh giá, thẩm định hồ sơ và gửi kết quả để Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

3.2. Thẩm định, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và danh mục sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN.

a) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ nêu tại điểm 1.2, khoản 1, mục II; điểm 2.2, khoản 2, mục II Thông tư này và thẩm định hồ sơ theo các điều kiện quy định tại khoản 5, mục I Thông tư này để cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và danh mục sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN (Mẫu Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN theo Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này).

b) Thời gian xem xét, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải trả lời doanh nghiệp bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.3. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

a) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp KH&CN bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bị xóa tên trong sổ đăng ký kinh doanh;

- Doanh nghiệp KH&CN bị phát hiện có hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung trong hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN;

- Doanh nghiệp KH&CN không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 5, mục I Thông tư này;

- Doanh nghiệp KH&CN không thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hoạt động theo quy định;

- Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN được cấp không đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định.

b) Đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp không tiếp tục được hưởng những hỗ trợ, ưu đãi; trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN do kê khai không trung thực, không chính xác nội dung trong hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp bị truy thu toàn bộ các khoản kinh phí, những lợi ích khác đã được hưởng và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3.4. Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

a) Trường hợp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bị mất, doanh nghiệp KH&CN có trách nhiệm khai báo với cơ quan công an xã, phường, thị trấn nơi mất

và thông báo ít nhất 03 (ba) lần trên phương tiện thông tin đại chúng. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thông báo lần cuối, doanh nghiệp đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Văn bản, tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã thông báo về việc mất Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trên phương tiện thông tin đại chúng.

b) Trường hợp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bị rách, nát, doanh nghiệp KH&CN đăng ký cấp lại, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Bản chính Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

c) Trường hợp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bị tiêu hủy, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có văn bản đề nghị để được cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong đó nêu rõ lý do;

d) Trường hợp doanh nghiệp KH&CN thay đổi thông tin liên quan đến tên gọi, đăng ký doanh nghiệp, người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

- Bản chính Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN;

- Văn bản, tài liệu chứng minh về sự thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp lại, bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp.

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

g) Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính”.

3.5. Kinh phí cho việc thẩm định, cấp, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này”.